



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý II năm 2016

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 44

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngân VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.038.051.378	7.453.359.435
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		256.686.109	238.067.919
111	1. Tiền	4	256.686.109	238.067.919
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.633.470.524	6.926.123.473
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	339.210.702	525.822.602
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	73.175.983	162.297.212
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.346.153.648	4.652.017.152
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.878.338.312	1.586.464.025
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.408.121)	(477.518)
140	III. Hàng tồn kho		144.324.401	206.104.818
141	1. Hàng tồn kho	9	144.324.401	206.104.818
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.570.344	83.063.225
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.705.202	383.900
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		865.142	483.337
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	82.195.988
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.904.858.289	20.235.507.840
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.450.557.333	8.373.822.112
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	9.034.291.553	8.066.041.332
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	416.265.780	307.780.780
220	II. Tài sản cố định		286.533.272	247.646.503
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	226.330.385	233.660.774
222	Nguyên giá		319.503.815	321.148.576
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(93.173.430)	(87.487.802)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	60.202.887	13.985.729
228	Nguyên giá		67.522.174	20.371.973
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.319.287)	(6.386.244)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	13.501.062	78.228.682
231	1. Nguyên giá		15.001.180	79.478.780
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.500.118)	(1.250.098)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.974.731	47.619.968
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.974.731	47.619.968
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.139.429.702	11.474.502.144
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	11.213.889.436	11.437.505.856
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3	7.360.040	31.996.288
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(86.819.774)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.862.189	13.688.431
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	12.034.904	13.688.431
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		827.285	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.942.909.667	27.688.867.275

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.658.046.145	15.409.713.628
310	I. Nợ ngắn hạn		9.072.255.195	6.902.977.590
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	135.019.371	146.484.218
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.169.534.662	1.354.460.319
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	70.588.542	115.518.401
314	4. Phải trả người lao động		10.023.213	9.279.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	629.842.063	303.730.070
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	699.450.960	280.092.733
320	7. Vay ngắn hạn	21	6.356.056.206	4.689.130.668
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.740.178	4.282.181
330	II. Nợ dài hạn		6.585.790.950	8.506.736.038
338	1. Vay dài hạn	21	6.579.698.311	8.494.994.375
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	5.635.824
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.092.639	6.105.839
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.284.863.522	12.279.153.647
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	12.284.863.522	12.279.153.647
411	1. Vốn cổ phần		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		566.896.605	561.186.730
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		561.186.730	27.558.264
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.709.875	533.628.466
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.942.909.667	27.688.867.275



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	94.683.035	699.425.472	362.394.108	1.284.428.290
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	(35.528)	-	(35.528)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	94.683.035	699.389.944	362.394.108	1.284.392.762
11	4. Giá vốn hàng bán	24	(66.671.587)	(462.635.238)	(284.231.695)	(812.113.408)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.011.448	236.754.706	78.162.413	472.279.354
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	411.960.017	306.988.187	743.062.369	558.161.708
22	7. Chi phí tài chính	25	(422.149.005)	(280.383.714)	(770.813.008)	(559.857.650)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(322.342.806)	(278.932.145)	(633.411.678)	(557.827.675)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(2.563.541)	(13.269.276)	(6.722.343)	(24.279.981)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(26.074.746)	(30.152.773)	(45.021.258)	(54.225.279)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.815.827)	219.937.130	(1.331.827)	392.078.152
31	11. Thu nhập khác	28	18.306.225	-	18.981.754	157.555.099
32	12. Chi phí khác	28	(470.059)	(626.266)	(1.274.184)	(1.590.057)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	28	17.836.166	(626.266)	17.707.570	155.965.042

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

Ngân VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.020.339	219.310.864	16.375.743	548.043.194
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	(5.512.510)	(47.470.120)	(17.128.977)	(117.576.196)
52	16. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	29	(639.292)	-	6.463.109	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		868.537	171.840.744	5.709.875	430.466.998



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2016



Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II năm 2016

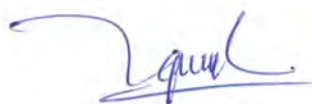
Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		16.375.743	548.043.194
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	9.717.796	9.835.471
03	Các khoản dự phòng		89.750.377	(34.206)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		2.479.446	(10.914.792)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(727.512.709)	(834.742.840)
06	Chi phí lãi vay	25	633.411.678	557.827.675
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.222.331	270.014.502
09	Tăng các khoản phải thu		(108.115.971)	(311.124.135)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		61.780.417	(20.042.283)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(38.438.448)	1.351.654.020
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(667.775)	5.197.644
14	Tiền lãi vay đã trả		(298.430.054)	(585.991.601)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29	(14.361.981)	(57.874.212)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.542.003)	(6.361.096)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(376.553.484)	645.472.839
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(27.573.724)	(10.961.629)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		216.538.167	394.178.238
23	Tiền chi cho vay		(1.299.071.774)	(3.736.550.404)
24	Tiền thu hồi cho vay		582.016.188	3.028.445.680
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(10.072.542)	(2.560.754.793)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		223.606.775	702.301.393
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		735.136.668	307.178.371
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		420.579.758	(1.876.163.144)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		852.232.475	2.630.402.488
34	Tiền trả nợ gốc vay		(877.640.559)	(1.257.664.149)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(25.408.084)	1.372.738.339
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		18.618.190	142.048.034
60	Tiền đầu kỳ	4	238.067.919	601.272.163
70	Tiền cuối kỳ	4	256.686.109	743.320.197



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2016



Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi tám (28) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; trồng và kinh doanh cao su, hồ tiêu và các loại cây trồng khác; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ quý II năm 2016 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa	-	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần (tiếp theo)

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.19 Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.20 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.20 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.21 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.22 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi ngân hàng	255.223.852	236.037.900
Tiền mặt tại quỹ	1.462.257	2.030.019
TỔNG CỘNG	256.686.109	238.067.919

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu hợp đồng xây dựng	181.488.496	152.633.526
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	115.885.114	126.224.057
Phải thu từ bán các khoản đầu tư	27.828.645	177.074.164
Phải thu tiền bán căn hộ	13.673.375	17.495.216
Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	335.072	52.395.639
TỔNG CỘNG	339.210.702	525.822.602

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 217.754.288 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (*Thuyết minh số 30*).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	64.062.361	162.297.212
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	9.113.622	-
TỔNG CỘNG	73.175.983	162.297.212

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 4.000.000 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (*Thuyết minh số 30*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	4.325.226.323	4.652.017.152
Trong đó:		
Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	2.760.085.936	2.860.085.936
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan khác (ii)	1.565.140.387	1.791.931.216
Phải thu cho vay ngắn hạn các công ty khác (iv)	20.927.325	-
	4.346.153.648	4.652.017.152
Dài hạn		
Phải thu cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	8.303.408.520	7.186.402.423
Trong đó:		
Cho vay dài hạn các bên liên quan khác (ii)	6.964.988.520	5.847.982.423
Cho vay dài hạn Ông Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (iii)	697.320.000	697.320.000
Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	641.100.000	641.100.000
Phải thu cho vay dài hạn các công ty (iv)	562.921.023	710.330.064
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (v)	166.633.510	167.980.345
Phải thu cho vay dài hạn nhân viên	1.328.500	1.328.500
	9.034.291.553	8.066.041.332
TỔNG CỘNG	13.380.445.201	12.718.058.484

(i) Đây là các khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng 1") và hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), chi tiết như sau:

Hợp đồng 1 được bảo đảm bởi toàn bộ tài sản, cổ phần, vốn góp, cổ tức, lợi tức và các tài sản khác của Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sở hữu Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 1 tháng 10 năm 2013) và có lãi suất trong kỳ là 12,5%/năm (2015: 9,5%/năm). Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL-AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VND, có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 17 tháng 7 năm 2014) và có lãi suất trong kỳ là 12,5%/năm (2015: 9,5%/năm).

Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, khoản vay từ hợp đồng 1 được trình bày tại mục phải thu về cho vay ngắn hạn cho mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

(ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan khác có thời hạn hoàn trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6%/năm đến 15%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (iii) Đây là khoản Công ty cho Chủ tịch Công ty Ông Đoàn Nguyên Đức, vay theo hợp đồng vay số 01/10/15HĐV_HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2015, hoàn trả trong vòng 36 tháng và có lãi suất trong năm là 12%/năm.
- (iv) Cho vay các công ty khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty và cá nhân khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6,5%/năm đến 12,9%/năm.
- (v) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	1.810.519.212	1.483.481.563
Phải thu lãi cho vay	60.159.698	76.811.316
Phải thu nhân viên	3.220.952	4.725.529
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	273.608	188.889
Các khoản khác	4.164.842	21.256.728
	1.878.338.312	1.586.464.025
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") (<i>Thuyết minh số 30</i>) (i)	415.751.100	307.266.100
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	514.680
	416.265.780	307.780.780
TỔNG CỘNG	2.294.604.092	1.894.244.805

- (i) Thể hiện khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mía - công ty con để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	65.278.237	107.646.457
Hàng hóa	39.675.545	52.386.134
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.704.418	34.079.331
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	24.492.160	23.345.211
<i>Hoạt động sản xuất</i>	5.629.309	10.529.097
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	582.949	205.023
Thành phẩm	7.166.681	7.771.786
Vật liệu xây dựng	1.254.079	3.885.058
Nguyên vật liệu	177.747	276.675
Công cụ, dụng cụ	67.694	59.377
TỔNG CỘNG	144.324.401	206.104.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	238.796.794	42.966.964	29.279.099	3.308.219	6.689.440	108.060	321.148.576
Mua sắm mới	-	-	1.204.344	-	-	-	1.204.344
Thanh lý trong kỳ	-	(2.559.250)	-	(289.855)	-	-	(2.849.105)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>238.796.794</u>	<u>40.407.714</u>	<u>30.483.443</u>	<u>3.018.364</u>	<u>6.689.440</u>	<u>108.060</u>	<u>319.503.815</u>
Giá trị hao mòn lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(44.452.220)	(19.087.039)	(17.099.428)	(2.055.628)	(4.770.974)	(22.513)	(87.487.802)
Khấu hao trong kỳ	(3.987.934)	(2.255.842)	(1.584.377)	(217.959)	(479.616)	(9.005)	(8.534.733)
Thanh lý trong kỳ	-	2.559.250	-	289.855	-	-	2.849.105
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(48.440.154)</u>	<u>(18.783.631)</u>	<u>(18.683.805)</u>	<u>(1.983.732)</u>	<u>(5.250.590)</u>	<u>(31.518)</u>	<u>(93.173.430)</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>194.344.574</u>	<u>23.879.925</u>	<u>12.179.671</u>	<u>1.252.591</u>	<u>1.918.466</u>	<u>85.547</u>	<u>233.660.774</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>190.356.640</u>	<u>21.624.083</u>	<u>11.799.638</u>	<u>1.034.632</u>	<u>1.438.850</u>	<u>76.542</u>	<u>226.330.385</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.200.000	15.171.973	20.371.973
Tăng trong kỳ	47.150.201	-	47.150.201
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>52.350.201</u>	<u>15.171.973</u>	<u>67.522.174</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(6.386.244)	(6.386.244)
Khấu hao trong kỳ	-	(933.043)	(933.043)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>-</u>	<u>(7.319.287)</u>	<u>(7.319.287)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>5.200.000</u>	<u>8.785.729</u>	<u>13.985.729</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>52.350.201</u>	<u>7.852.686</u>	<u>60.202.887</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	64.477.600	15.001.180	79.478.780
Thanh lý trong kỳ	(64.477.600)	-	(64.477.600)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>-</u>	<u>15.001.180</u>	<u>15.001.180</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(1.250.098)	(1.250.098)
Khấu hao trong kỳ	-	(250.020)	(250.020)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>-</u>	<u>(1.500.118)</u>	<u>(1.500.118)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>64.477.600</u>	<u>13.751.082</u>	<u>78.228.682</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>-</u>	<u>13.501.062</u>	<u>13.501.062</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	-	25.078.179
Chi phí trồng cây cao su	-	22.072.023
Khác	1.974.730	469.766
TỔNG CỘNG	1.974.731	47.619.968

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	11.213.889.436	(86.819.774)	11.437.505.856	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 14.2)	5.000.000	-	5.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)	7.360.040	-	31.996.288	-
TỔNG CỘNG	11.226.249.476	(86.819.774)	11.474.502.144	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	30 tháng 6 năm 2016			31 tháng 12 năm 2015		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>								
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi	Đang hoạt động	70,45	5.224.484.938	-	79,52	5.443.421.358	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	68,90	3.253.537.647	-	85,75	3.253.537.647	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	95,58	2.532.179.575	-	95,58	2.532.179.575	-
<i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i>								
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	95,58	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	(26.930.800)	80,00	26.930.800	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,00	977.486	(888.974)	94,00	977.486	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	-	-	-	55,12	4.680.000	-
TỔNG CỘNG				11.213.889.436	(86.819.774)		11.437.505.856	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG				5.000.000			5.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên	6.200.000	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng Không Viễn Đông	1.160.040	1.160.040
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	-	24.636.248
TỔNG CỘNG	7.360.040	31.996.288

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền thuê đất trả trước	9.830.498	9.966.210
Công cụ, dụng cụ	1.979.042	2.876.703
Chi phí bán căn hộ	215.971	827.852
Các khoản khác	9.393	17.666
TỔNG CỘNG	12.034.904	13.688.431

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	72.394.665	68.676.224
Phải trả tiền mua sắm máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	61.057.200	76.807.994
Các khoản khác	1.567.506	1.000.000
TỔNG CỘNG	135.019.371	146.484.218

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 93.121.249 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Thuyết minh số 30).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Khách hàng thương mại trả tiền trước	604.745.931	732.239.032
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	554.259.690	595.984.283
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	10.529.041	26.237.004
TỔNG CỘNG	<u>1.169.534.662</u>	<u>1.354.460.319</u>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 1.146.591.567 ngàn VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (*Thuyết minh số 30*).

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 29</i>)	67.952.049	65.185.053
Thuế giá trị gia tăng	1.028.097	19.285.372
Thuế thu nhập cá nhân	750.585	173.321
Các khoản phải nộp khác	857.811	30.874.655
TỔNG CỘNG	<u>70.588.542</u>	<u>115.518.401</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí lãi vay	627.835.190	300.833.079
Chi phí hoạt động	2.006.873	2.896.991
TỔNG CỘNG	<u>629.842.063</u>	<u>303.730.070</u>

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	606.895.614	195.906.801
Các khoản khác	92.555.346	84.185.932
TỔNG CỘNG	<u>699.450.960</u>	<u>280.092.733</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

21. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	820.787.062	1.052.926.625
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Trái phiếu đến hạn trả	4.435.269.144	2.503.860.293
Trong đó		
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 21.2)	3.305.269.144	1.373.860.293
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	-	32.343.750
	6.356.056.206	4.689.130.668
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 21.2)	6.579.698.311	8.494.994.375
	6.579.698.311	8.494.994.375
TỔNG CỘNG	12.935.754.517	13.184.125.043

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	598.080.606	603.011.957
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	222.706.456	449.914.668
TỔNG CỘNG	820.787.062	1.052.926.625

21.2 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số tiền	Ngày đáo hạn
Ngàn VND			
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	1.760.280.296	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	Ngày 17 tháng 8 năm 2015	850.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2020
BIDV và BSC	Ngày 9 tháng 7 năm 2013	950.000.000	Ngày 9 tháng 7 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau (tiếp theo):

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Số tiền</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
BIDV và BSC	Ngày 28 tháng 3 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2019
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	650.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 11 năm 2017
BIDV và BSC	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
BIDV và BSC	Ngày 23 tháng 7 năm 2015	2.150.000.000	Ngày 23 tháng 7 năm 2020
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Từ ngày 27 tháng 8 năm 2016 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017
Chi phí phát hành trái phiếu		(75.312.841)	
TỔNG CỘNG		<u>9.884.967.455</u>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Trái phiếu đến hạn trả</i>		3.305.269.144	
<i>Trái phiếu dài hạn</i>		6.579.698.311	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
6 tháng năm 2015						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	249.756.283	27.558.264	11.715.386.161
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	430.466.998	430.466.998
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	21.523.350	(39.234.449)	(17.711.099)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	271.279.633	418.790.813	12.128.142.060

(i) Số còn lại trích lập quỹ phúc lợi

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
6 tháng năm 2016						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.186.730	12.279.153.647
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	5.709.875	5.709.875
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	566.896.605	12.284.863.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.967.947</i>	<i>789.967.947</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.899.283</i>	<i>789.899.283</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	94.683.035	699.425.472	362.394.108	1.284.428.290
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	42.869.349	279.105.384	146.247.245	454.673.345
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	34.463.606	354.812.399	78.798.185	528.252.681
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	14.994.182	64.477.600	214.941.818
<i>Doanh thu căn hộ</i>	7.206.888	40.865.421	54.249.959	58.701.819
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	10.143.192	9.648.086	18.621.119	27.858.627
Các khoản giảm trừ	-	(35.528)	-	(35.528)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(35.528)	-	(35.528)
Doanh thu thuần	94.683.035	699.389.944	362.394.108	1.284.392.762
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	42.869.349	279.069.856	146.247.245	454.637.817
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	34.463.606	354.812.399	78.798.185	528.252.681
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	14.994.182	64.477.600	214.941.818
<i>Doanh thu căn hộ</i>	7.206.888	40.865.421	54.249.959	58.701.819
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	10.143.192	9.648.086	18.621.119	27.858.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	Ngàn VND			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	409.143.058	289.308.299	739.086.264	530.863.024
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.544.378	3.353.783	3.317.074	7.331.415
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	41	7.499.104	386.491	12.540.268
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	272.540	6.827.001	272.540	6.827.001
Cổ tức nhận được	-	-	-	600.000
TỔNG CỘNG	411.960.017	306.988.187	743.062.369	558.161.708

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VND			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	28.379.100	239.744.522	113.483.858	387.338.170
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	25.957.788	182.602.876	51.975.428	276.074.299
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	-	64.867.426	81.183.514
Giá vốn căn hộ	5.514.900	32.137.892	42.368.220	45.937.971
Giá vốn dịch vụ cung cấp	6.819.799	8.149.948	11.536.763	21.579.454
TỔNG CỘNG	66.671.587	462.635.238	284.231.695	812.113.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	322.342.806	278.932.145	633.411.678	557.827.675
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào các công ty con	86.819.774	-	86.819.774	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	-	32.577.355	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.986.425	1.451.569	18.004.201	2.023.483
Các khoản khác	-	-	-	6.492
TỔNG CỘNG	422.149.005	280.383.714	770.813.008	559.857.650

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Ngàn VND			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	879.119	4.428.614	3.236.006	13.187.055
Chi phí lương nhân viên	488.297	675.406	1.013.271	1.295.016
Các khoản khác	1.196.125	8.165.256	2.473.066	9.797.910
TỔNG CỘNG	2.563.541	13.269.276	6.722.343	24.279.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	11.997.982	14.923.926	23.539.587	30.047.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.693.692	8.348.980	9.135.692	11.255.981
Chi phí khấu hao	2.162.079	2.155.113	4.317.966	4.216.524
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.930.603	(34.206)	2.930.603	(34.206)
Các khoản khác	2.290.390	4.758.960	5.097.410	8.739.549
TỔNG CỘNG	26.074.746	30.152.773	45.021.258	54.225.279

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	18.306.225	-	18.981.754	157.555.099
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	17.804.012	-	17.804.012	155.363.096
Các khoản khác	502.213	-	1.177.742	2.192.003
Chi phí khác	470.059	626.266	1.274.184	1.590.057
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	239.808	-	479.616	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	3.893	-	118.426	-
Các khoản khác	226.358	626.266	676.142	1.590.057
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	17.836.166	(626.266)	17.707.570	155.965.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>6 tháng năm 2016</i>	<i>6 tháng năm 2015</i>
Thuế TNDN hiện hành	17.128.977	117.576.196
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	<u>(6.463.109)</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.665.868</u>	<u>117.576.196</u>

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>6 tháng năm 2016</i>	<i>6 tháng năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.375.743	548.043.194
Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.431.720	4.978.724
Các khoản phạt	772.830	384.682
Thu nhập cố tức	-	(600.000)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<u>4.136.425</u>	<u>(10.914.792)</u>
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	<u>25.716.718</u>	<u>541.891.808</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	2.766.996	119.216.198
Thuế TNDN hiện hành của hoạt động bất động sản	8.665.430	-
Điều chỉnh trích bổ sung (thừa) thuế TNDN kỳ trước	<u>5.696.551</u>	<u>(1.640.002)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	17.128.977	117.576.196
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	65.185.053	17.447.084
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	<u>(14.361.981)</u>	<u>(57.874.212)</u>
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 18)	<u>67.952.049</u>	<u>77.149.068</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			<i>Ngàn VND</i>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	214.936.055
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	66.892.304
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	44.276.807
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	30.969.195
		Mua hàng hóa	645.501
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	117.609.156
		Mua hàng hóa và dịch vụ	406.540
		Thu chuyển nhượng cổ phần	12.828.645
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.520
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	23.100
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	78.782.940
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	51.635.165
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.844
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	33.247.672
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	13.325.942
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	3.516.619
		Mua hàng hóa	42.975
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay	22.870.069
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	13.483.845
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.319.196
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	42.304.080
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	16.774.618
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.048.476
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	19.598.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			<i>Ngàn VND</i>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	11.003.502
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.110.141
		Doanh thu bán hàng hóa	579.261
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	14.913.889
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	14.332.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	13.192.319
		Mua dịch vụ	899.802
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.718
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	12.373.346
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	11.100.027
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	707.317
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	85.154
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	10.476.301
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	466.273
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	9.384.770
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.953.654
		Doanh thu bán hàng hóa	843.842
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.559.825
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Lãi cho vay	3.935.098
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.283.215
		Chi phí khác	39.000
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	2.008.993
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.047.671
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	205.922

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu hợp đồng xây dựng	59.524.480
		Phải thu cung cấp dịch vụ	1.047.243
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	37.429.233
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.264.564
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	26.935.627
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	18.302.194
		Phải thu hợp đồng xây dựng	3.995.704
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Phải thu cung cấp dịch vụ	17.602.302
		Phải thu hợp đồng xây dựng	658.295
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	12.828.645
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	21.516
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Bán hàng hóa	9.831.278
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	6.182.721
		Phải thu hợp đồng xây dựng	1.449.075
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	5.869.574
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	4.337.467
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	3.875.118
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	3.271.083
		Phải thu hợp đồng xây dựng	48.460
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	698.668
		Phải thu hợp đồng xây dựng	92.959
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cung cấp dịch vụ	603.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5) (tiếp theo)			
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	884.295
TỔNG CỘNG			<u>217.754.288</u>
Các khoản trả trước ngắn hạn cho người bán (Thuyết minh số 6)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Ứng trước mua hàng hoá	4.000.000
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	2.760.085.936
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	350.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	200.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	189.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	150.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	120.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	54.140.387
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	2.000.000
TỔNG CỘNG			<u>4.325.226.323</u>
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	2.253.252.956
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	1.300.742.263
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	860.088.500
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải thu cho vay dài hạn	697.320.000
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	689.839.538
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	641.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	638.576.978
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	295.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	263.030.698
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	211.861.305
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	141.482.579
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	141.231.796
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	53.092.286
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	32.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	24.243.128
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	18.796.482
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	14.651.980
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	10.395.733
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	8.799.939
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	7.395.153
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xê Kông	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	507.206
TỔNG CỘNG			<u>8.303.408.520</u>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	515.375.725
		Phải thu tiền lãi vay	169.986.204
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	176.864.938
		Chi phí trả hộ	292.289
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	225.987.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	172.363.215 1.457.388
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	127.561.875 2.440.389
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	120.396.737
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	51.691.732 11.232.400
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	22.839.790
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	30.826.854 2.993.869
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	32.076.871
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải thu tiền lãi vay	36.852.257
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	21.430.764
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	19.001.389
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	13.510.548
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bên liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	10.632.059
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	7.559.825
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	6.427.866
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi phí trả hộ	4.618.087
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Chi phí trả hộ	4.103.303
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Chi phí trả hộ	2.674.301
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Chi phí trả hộ	2.268.339
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	1.670.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)			
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng cho nhân viên	1.600.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng cho nhân viên	520.125
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>637.729</u>
TỔNG CỘNG			<u>1.810.519.212</u>
Các khoản phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	<u>415.751.100</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)			
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Phải trả phát triển vườn cây	60.549.000
		Mua tài sản cố định	508.200
		Mua hàng hóa và dịch vụ	10.641
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.781.929
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.359.759
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	9.027.371
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.734.812
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Mua dịch vụ	1.651.600
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>497.937</u>
TỔNG CỘNG			<u>93.121.249</u>
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 17)			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	306.020.992
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Ứng trước hợp đồng xây dựng	245.789.873
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	140.157.988
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	136.474.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 17) (tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	121.959.384
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	98.159.761
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	51.003.115
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	35.619.991
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	3.653.643
		Ứng trước hợp đồng xây dựng	2.448.825
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Ứng trước tiền mua hàng hóa	5.253.289
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	49.862
TỔNG CỘNG			<u>1.146.591.567</u>
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)</i>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	299.952.295
		Chi hộ	6.051.722
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải trả do thu hộ	212.704.506
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	22.769.750
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Vay mượn tạm	19.898.360
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	13.342.400
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Chi hộ	11.786.059
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi hộ	3.323.700
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.183.439
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Chi hộ	2.402.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20) (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	2.065.085
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Chi hộ	1.825.937
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	1.339.264
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thư ký HĐQT	Chi hộ	1.204.111
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>1.237.854</u>
TỔNG CỘNG			<u>606.895.614</u>

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập



Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2016